

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH**

TỈNH CAO BẰNG

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 02 năm 2019

V/v: Xin Ly hôn giữa chi H và anh L

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH - TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Phóng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phong Văn Tư

2. Ông Lương Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên toà: bà Công Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 46 /2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018. Về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX- ST ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nông Thị H; Sinh năm: 1995.

Trú tại: xóm B D — xã Đ T- huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nông Kim L; Sinh năm: 1996.

Trú tại: xóm L N - xã Đ T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nông Thị H trình bày như sau: Chị và anh L kết hôn vào ngày 02/5/2015, Việc kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Không có giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng có tình cảm sống hoà thuận, gia đình

hạnh phúc, đã có thời gian sống chung 2 năm và có 1 con chung đặt tên là Nông Thị M A sinh ngày 28/4/2016 hiện nay con ở với anh L .

Nguyên nhân lý do chị xin ly hôn anh L là trong thời gian sống chung tính tình không hợp quan điểm không thống nhất hay xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị cảm thấy cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn.

Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ ngày 10 tháng 3 năm 2017 đến nay.

Về tài sản hồi môn ngày cưới, tài sản chung, tài sản riêng: Không có

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L; Về con chung chị xin được trực tiếp nuôi cháu Nông Thị M A sinh ngày 28/4/2016 và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ; Về tài sản không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 09 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Nông Kim L trình bày như sau:

Anh và chị H kết hôn vào ngày 02/5/2015, Việc kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Không có giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng có tình cảm sống hoà thuận, gia đình hạnh phúc, đã có thời gian sống chung 2 năm và có 1 con chung đặt tên là Nông Thị M A sinh ngày 28/4/2016 hiện nay con ở với anh tại xóm L N, xã Đ T, huyện T K, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên nhân, lý do chị H xin ly hôn anh: Trong thời gian chung sống với nhau tính tình không hợp đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và không thông cảm cho nhau nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ từ ngày 10/3/2017 từ đó chị H không về nữa nên chị xin ly hôn anh.

Tài sản hồi môn ngày cưới, tài sản chung, tài sản riêng: không có.

Nay chị Huyền yêu cầu được ly hôn anh đồng ý ly hôn; Về con chung anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi cháu Nông Thị M A sinh ngày 28/4/2016 đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ; Về tài sản không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn chị Nông Thị H cung cấp cho Tòa án: Giấy khai sinh của con. ngoài ra không có giấy tờ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, về việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

□p dụng Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nông Kim L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

[1] Về tố tụng dân sự: chị H và anh l kết hôn vào ngày 02/5/2015, Việc kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Không đăng ký kết hôn. Chị có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị H và L là quan hệ không hợp pháp, không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương Xét thấy, về mặt tình cảm vợ chồng, thực tế đã có cuộc sống chung có thời gian sống rất hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung đặt tên là Nông Thị M A sinh ngày 28/4/2016.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn theo chị H trình bày là do: Trong thời gian sống chung tính tình không hợp quan điểm không thống nhất hay xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị cảm thấy cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn xin ly hôn. Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ ngày 10 tháng 3 năm 2017 đến nay.

[3] Tại phiên toà hôm nay hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng không còn mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa chị Nông Thị H và anh Nông Kim L không có giấy đăng ký kết hôn là trái với qui định của pháp luật. Cụ thể là trái với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình quy định "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, Việc kết hôn không được đăng ký theo qui định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*" và khoản 1 Điều 14 qui định "*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*". Như vậy, cuộc hôn nhân giữa chị H và

Anh L là hoàn toàn trái với các qui định của pháp luật. Chị H làm đơn để chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh L là có căn cứ và đúng với các qui định của pháp luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] **Về con chung:** Tại phiên hòa giải ngày 09/01/ 2019 chị Nông Thị H và anh Nông Kim L tự nguyện thoả thuận nhất trí giao cháu Nông Thị M A sinh ngày 28/4/2016 cho anh Nông Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và chị Nông Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/02/2019.

[5] **Về tài sản chung:** Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và điểm a khoản 2 Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

□p dụng Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Nay xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nông Thị H và anh Nông Kim L.

2. Về con chung: chị Nông Thị H và anh Nông Kim L tự nguyện thoả thuận nhất trí giao cháu Nông Thị M A sinh ngày 28/4/2016 cho anh Nông Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành 18 tuổi và chị Nông Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/02/2019.

Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Nông Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con tổng cộng là 600.000đ để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh theo biên lai số AA/2011/000149 ngày 03/12/2018 chị H còn phải nộp 300.000đ.

5. Báo cho các đương sự đọc quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Tòa dân sự TAND tỉnh;
- PKTNV và THA TAND tỉnh
- VKSND TK;
- THADS . TK;
- UBND xã Đ T;
- Hai bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán

(đã ký)

Nông Văn Phóng